

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 20 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên cơ cấu danh mục ETF

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/9/2019		●	
Tuần 23/9-27/9/2019		●	
Tháng 9/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index có diễn biến giằng co quanh mốc tham chiếu khi áp lực bán gia tăng tại các mã cổ phiếu họ Vin là VIC và VHM cùng với BID, GAS, VNM. Đến phiên chiều, mặc dù chịu sự điều chỉnh từ các mã VIC, BID, VNM nhưng chỉ số vẫn giữ được ngưỡng quan trọng 990 điểm. Thị trường có phiên giao dịch trái ngược với xu hướng chung trong khu vực. **Sự biến động của VN-Index trong hôm nay chủ yếu đến từ hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF.** Ngoài ra, sự rung lắc của thị trường còn phần nào phản ánh tâm lý do dự trước kết quả của vòng đàm phán mới giữa Trung Quốc và Mỹ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay, riêng VN30F1910 tăng nhẹ. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 905 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/09/2019, các chứng quyền có sự phân hóa và đều tăng và giảm giá theo chứng khoán cơ sở. Thanh khoản của CREE1901 đang có xu hướng tăng báo hiệu khả năng duy trì trạng thái tích cực trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ đà tăng của REE, nhiều khả năng chứng quyền của cổ phiếu này sẽ tiếp tục được giao dịch sôi động trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng_0.7%. 5/14 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **10/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (-0.7%)**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**.

Phân tích kỹ thuật: VIC_Điều chỉnh giảm (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-6.74 điểm**, đóng cửa 990.36. HNX-Index **+0.10 điểm**, đóng cửa 104.14.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.36); TCB (+0.21); MWG (+0.17); LGC (+0.16); REE (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.06); BID (-0.79); VNM (-0.77); VHM (-0.70); GAS (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,525.01 tỷ đồng**, **+60.6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.2 điểm. Thị trường có 139 mã tăng và 171 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **366.66 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (173.93 tỷ), NT2 (104.75 tỷ) và BVH (98.27 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **6.32 tỷ đồng**.

VN-INDEX 990.36

Giá trị: 4525.01 tỷ **-6.74 (-0.68%)**

Khối ngoại (ròng): -366.66 tỷ

HNX-INDEX 104.14

Giá trị: 293.72 tỷ **0.1 (0.1%)**

Khối ngoại (ròng): -6.32 tỷ

UPCOM-INDEX 56.97

Giá trị: 248.52 tỷ **0.28 (0.49%)**

Khối ngoại(ròng): 15.63 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.5	0.64%
Giá vàng	1,505	0.41%
Tỷ giá USD/VND	23,204	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,647	-0.12%
Tỷ giá JPY/VND	21,504	0.11%
LS liên NH 1 tháng	3.2%	6.10%
LS TPCP 5 năm	3.0%	0.30%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	460.6	VIC	173.9
SBT	11.4	NT2	104.8
HPG	8.3	BVH	98.3
DXG	7.8	VCB	81.3
MSN	4.3	VNM	81.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



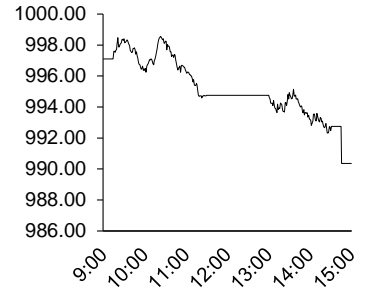
- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bận khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)



Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*5/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 10/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.7%). Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

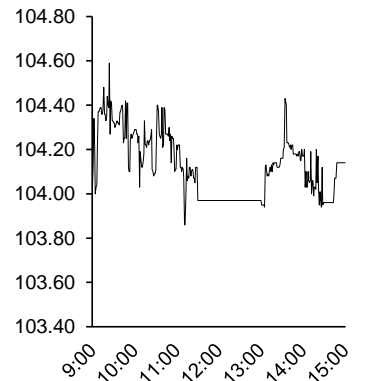
- **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme **Xây dựng 0.7%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Xây dựng	0.7%	1.7%	1.8%	1.4%	-7.7%	-11.8%	23.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	1.3%	1.8%	11.9%	9.8%	2.5%	81.1%
Nước & Năng lượng	0.4%	0.0%	-1.1%	-1.6%	1.3%	6.8%	61.6%
Hàng tiêu dùng	0.3%	2.4%	0.9%	10.2%	10.2%	7.3%	68.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	1.6%	1.2%	6.3%	4.0%	2.4%	72.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	-0.9%	-5.3%	-3.3%	1.0%	8.8%	49.5%
Ngân hàng	-0.2%	1.1%	3.6%	11.8%	4.8%	-0.2%	83.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.5%	-0.4%	-1.7%	0.0%	-4.8%	-10.4%	-8.1%
Dầu khí	-0.5%	2.5%	-1.6%	-2.1%	1.6%	-9.8%	13.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	0.7%	-6.5%	-7.8%	-11.8%	-21.0%	41.8%
Chiến tranh thương mại	-0.7%	-2.0%	-4.2%	-4.9%	-5.2%	-4.1%	4.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.8%	0.5%	-1.3%	3.5%	2.4%	1.3%	3.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.0%	0.6%	-0.5%	2.1%	-1.8%	1.9%	80.4%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.5%	-0.4%	-0.1%	4.7%	1.9%	1.2%	64.4%

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Danh mục 1	0.6%	2.4%	2.6%	12.3%	9.8%	5.4%	78.6%
Danh mục 15	0.5%	2.2%	1.3%	9.5%	5.3%	2.2%	72.8%
Danh mục 16	0.4%	1.7%	0.8%	8.2%	5.9%	3.7%	75.2%
Danh mục 6	-0.6%	0.1%	-0.1%	10.7%	12.5%	12.7%	99.5%
Danh mục 11	-0.7%	0.4%	-1.7%	-1.2%	-5.0%	-7.1%	83.2%

* Note: **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Danh mục 19	0.3%	1.3%	1.9%	10.4%	9.7%	9.1%	59.6%
Danh mục 23	0.2%	1.1%	-2.8%	2.2%	-3.2%	5.3%	111.4%
Danh mục 22	0.1%	1.5%	6.5%	18.4%	15.9%	6.7%	84.2%
Danh mục 25	-0.7%	-0.3%	-2.5%	6.6%	6.4%	24.3%	167.4%
Danh mục 20	-0.7%	-0.5%	-1.0%	2.8%	-0.9%	3.0%	20.3%

* Note: **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.7%	0.3%	-0.4%	3.2%	0.2%	-1.4%	49.3%
VN30INDEX	-0.4%	1.1%	2.3%	5.6%	0.3%	-4.9%	41.0%

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.3%
Viễn thông	1.3%
Bán lẻ	1.0%
Y tế	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%
Công nghệ Thông tin	0.4%
Dầu khí	0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Xây dựng và Vật liệu	-0.3%
Hóa chất	-0.4%
Ngân hàng	-0.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Tài nguyên Cơ bản	-1.0%
Du lịch và Giải trí	-1.2%
Bất động sản	-1.3%
Bảo hiểm	-1.8%

Nguồn: FiinPro

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phân tích kỹ thuật

VIC_Điều chỉnh giảm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và đã ở dưới mức 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu VIC đang nằm trong xu hướng tích lũy ngắn hạn khi đã vận động trong khu vực 122 – 123 từ đầu tháng 9. Trong phiên hôm nay, VIC đã xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ gần nhất tại mức giá 120 với thanh khoản tăng mạnh. Các chỉ báo kỹ thuật cũng hầu hết đều chuyển dần sang trạng thái tiêu cực. Dự kiến VIC sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm trong những phiên tới với vùng hỗ trợ nằm xung quanh ngưỡng 115.



[Nguồn: BSC, PTKT Iboard](#)

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

VRE: Capex 2019: 100 mil USD, mở mới thêm 12-15 malls, 20-21 megamall, nâng tổng số cửa hàng Vinmart và Vinmart + lên 3,000 cửa hàng. Dự kiến năm 2019 lỗ khoảng 100 triệu US, 2020 kỳ vọng hòa vốn. SSSG hiện tại = 15%, gross margin = 11%, để hòa vốn EBITDA thì gross margin phải lên dc 15%-16%, tỷ lệ hàng tươi sống hiện tại là 30%, biên lợi nhuận gộp hàng tươi sống khoảng 18%-20%, doanh số bình quân mỗi cửa hàng hiện tại là 500-550 triệu đồng/tháng.

Vinfast: Mảng xe máy điện : Công suất hiện tại là 250,000 chiếc/năm. Dự kiến năm 2019 sẽ tiêu thụ khoảng 150,000 chiếc (đưa thêm 5-7 mẫu xe mới với mức giá thấp hơn. Mảng ô tô : Công suất hiện tại là 100,000 chiếc/năm, dự kiến năm 2019 sẽ tiêu thụ khoảng 40-50,000 chiếc (25%-30% trong đó là SUV và Sedan). Tính tới thời điểm hiện tại: Đã có 12,000 đơn hàng đã được đặt cọc cho xe máy điện và ô tô trong đó ô tô chiếm khoảng 3,000 đơn hàng. Tổng capex dự án Phase 1: 3.5 tỷ usd trong đó 1 tỷ usd đến từ nguồn vốn chủ sở hữu, 2.5 tỷ usd sẽ dùng vốn vay (tính thời điểm hiện tại đã giải ngân thêm 1.5 tỷ usd cho đầu tư máy móc, hạ tầng). Lãi suất Libor + 3.0%-4.5%/năm. Dự kiến Q2/2019 sẽ ra mắt ô tô Fadil , Q3/2019 là Sedan/SUV và Q4/2019 là Xe buýt điện. Cập nhật tiến độ nhà máy: Nhà máy dập(20% progress - dự kiến 19/4/2019 hoàn tất), nhà máy thân (70% progress - dự kiến 01/02/2019 hoàn tất), nhà máy sơn (80% progress - dự kiến 15/02/2019 hoàn tất).

Năm 2019 : VIC sẽ ko chia cổ tức, Vinpear kỳ vọng 2021 sẽ đạt điểm hòa vốn (Tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động, tổng số phòng ước tính khoảng 10,000 phòng).

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express VIC 2018Q4.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 20/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.81	1.02%	6.84%	4.47%	-16.86%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.84	1.93%	7.43%	8.06%	-17.58%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	2.68%	9.79%	1.42%	-15.37%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1500.29	0.33%	0.04%	-0.50%	24.24%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.81	0.30%	-1.61%	4.00%	24.77%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	890.78	0.37%	0.88%	4.09%	4.77%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	487.25	-0.46%	0.31%	5.92%	-7.01%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.25	0.00%	-0.27%	3.63%	13.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	170.00	-0.58%	2.53%	-1.05%	17.08%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.99	-0.09%	2.14%	-3.93%	1.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	-2.83%	-2.83%	12.36%	-13.20%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.35	1.55%	-1.99%	7.55%	-1.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.59	-0.19%	-1.34%	0.56%	-4.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3741.00	-1.81%	-0.77%	-1.29%	-17.83%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1785.50	-0.36%	-2.16%	-0.47%	-12.60%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	95.50	0.00%	3.80%	2.69%	37.41%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.20	-0.04%	1.01%	2.93%	-37.01%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11/2019 đóng cửa tăng 80 US cent hay 1.3% lên 64.40 USD/thùng, trong khi dầu thô WTI kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa chỉ tăng 2 US cent lên 58.13 USD/thùng.
- Cuộc tấn công cuối tuần qua đã khiến Saudi Arabia mất một nửa sản lượng dầu thô và hạn chế nghiêm trọng công suất dự phòng của vương quốc này. Căng thẳng đã leo thang khi Mỹ và Saudi Arabia đối峙 các cuộc tấn công này cho Iran. Mỹ cho biết họ đang xây dựng một liên minh để ngăn chặn các mối đe dọa từ Iran sau cuộc tấn công ngày 14/9, trong khi quân đội Mỹ cho biết họ đang tham khảo ý kiến với Saudi Arabia để giảm thiểu các mối đe dọa từ phía bắc (mà các quan chức Mỹ đối峙 cho Iran).
- Saudi Arabia cho biết sẽ khôi phục sản lượng vào cuối tháng này và đưa công suất của họ trở lại 12 triệu thùng/ngày vào cuối tháng 11.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,500.55 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ đóng cửa giảm 9 USD hay 0.6% xuống 1,506.2 USD/ounce.
- Thị trường vàng chứng kiến một số nhu cầu trú ẩn an toàn sau khi Iran cảnh báo Mỹ chống lại bất kỳ cuộc chiến trực tiếp nào ở Trung Đông sau khi Washington và Riyadh đối峙 cuộc tấn công vào Saudi Arabia cho Iran. Nhưng hạn chế đà tăng của vàng là bộ ba số liệu kinh tế của Mỹ bất ngờ tăng mạnh hơn dự kiến của các nhà kinh tế. Fed cắt giảm lãi suất lần thứ 2 trong năm nay 0.25 điểm phần trăm nhằm chống lại sự tăng trưởng chậm lại trên toàn cầu, nhưng ngân hàng trung ương Mỹ báo hiệu việc cắt giảm lãi suất tiếp là không thể do thị trường lao động vẫn mạnh.

Giá thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 4.6% xuống 638 CNY (89.82 USD)/tấn, trong phiên có lúc giá đã giảm 5.2% xuống 634 CNY. Hợp đồng thép thanh trong xây dựng kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 3.3% xuống 3,397 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng cũng trên sàn giao dịch này giảm 2.8% xuống 3.428 CNY/tấn, cũng giảm ngày thứ 4 liên tiếp.
- Các nhà đầu tư thận trọng khi triển vọng của nền kinh tế Trung Quốc vẫn không rõ ràng. Nhu cầu có thể được duy trì ở mức hiện nay nhưng không thể tăng tiếp, nguồn cung quặng sắt khá đầy đủ hiện nay.

Giá nông sản

- Loại gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ tăng lên khoảng 373 – 379 USD/tấn từ 370 – 376 USD một tuần trước, mặc dù nhu cầu đang giảm từ các nước Châu Phi. Trong khi đó, gạo 5% tấm của Việt Nam không đổi tại 325 USD/tấn, thấp nhất kể từ tháng 11/2007, do hoạt động giao dịch vẫn thấp bởi nhu cầu yếu. Thiếu những hợp đồng mới khiến giá gạo hiện nay thấp hơn 13% so với đầu năm nay. Việt Nam đang tìm cách khuyến khích đầu tư tư nhân trong việc hiện đại hóa chế biến gạo và các cơ sở lưu trữ để nâng tính cạnh tranh.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM giao tháng 2/2020 chốt phiên giảm 0.5 JPY xuống 169.8 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 125 CNY (17.6 USD) xuống 11,815 CNY/tấn. Hợp đồng cao su TSR 29 giảm 70 CNY xuống 10,105 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) đóng cửa giảm, theo xu hướng suy yếu tại Thượng Hải.

CÁO VÀ NHÍM

Cáo là loài khôn ngoan tinh ranh, có thể nghĩ ra rất nhiều mưu kế để tấn công nhím. Ngày qua ngày, cáo luẩn quẩn ở hang để rình nhím, chờ đợi thời cơ thích hợp để tấn công nhím. Nhanh nhẹn, đẹp đẽ, khéo léo, có vẻ như phần thắng sẽ thuộc về cáo. Ngược lại nhím là một loài chậm chạp, nó lạch bạch đi lại, tìm thức ăn và chăm sóc cái hang nó mỗi ngày.

Một ngày như mọi ngày, cáo lặng lẽ chờ ở ngã 3 đường. Nhím thì đang chăm chú lo việc của mình, vô tình đi ngay vào con đường mà cáo đang chờ. Cáo nghĩ thầm trong bụng: “Lần này tao sẽ bắt được mày”. Nhanh như chớp nó nhảy phóc ra, con nhím nhỏ bé, nhìn lên con cáo rồi tự nghĩ: “Lại là mày nữa à, sao mày nhầy vậy, còn trò gì mới hơn không”.

Ngay lập tức nhím cuộn tròn lại thành quả cầu gai, những cái gai đâm ra tứ phía, bén nhọn. Cáo chồm tới thì gặp sự tự vệ của nhím, đành phải lùi lại, rút vào cánh rừng tiếp tục suy nghĩ cách tấn công con nhím.

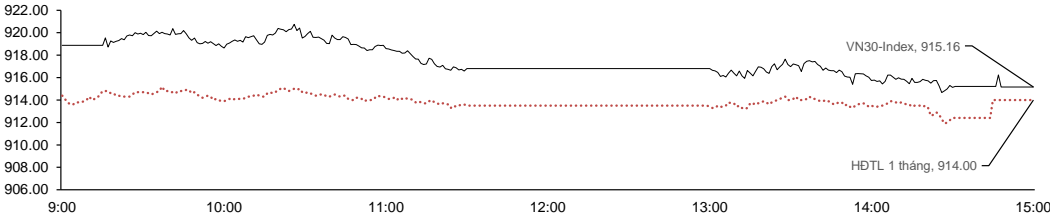
Mỗi ngày con cáo và con nhím chạm trán nhau vài lần. Mặc dù con cáo rất khôn ngoan nhưng con nhím mới là kẻ “thắng cuộc”.

Hầu hết nhà đầu tư theo trường phái đầu cơ đều nghĩ mình là cáo. Họ cho rằng mình đủ thông minh và kinh nghiệm để xác định thời điểm (lên hay xuống) của thị trường. Vì vậy họ mua bán liên tục và theo đuổi hiệu quả của từng khoản đầu tư. Tuy vậy, đây là chiến lược đã lỗi thời. Thực tế: “it’s time in the markets that counts, not timing the markets”, tức là thời gian đầu tư vào thị trường mới quan trọng chứ không phải việc xác định thời điểm của thị trường. Đó là bởi vì xu hướng của thị trường là thay đổi, thường là theo cách bất ngờ vì vậy sẽ không có gì đảm bảo rằng chiến lược theo đuổi hiệu quả một loại tài sản đang có kết quả tốt sẽ tiếp tục cho kết quả tốt trong năm tới, tháng tới hay thậm chí ngày hôm sau.



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	910.50	0.00%	-4.66	-16.2%	42939	9/19/2019	0
VN30F1910	914.00	0.19%	-1.16	128.1%	51552	10/17/2019	27
VN30F1912	911.10	-0.01%	-4.06	-28.3%	43	12/19/2019	90
VN30F2003	900.00	-1.07%	-15.16	36.0%	223	3/19/2020	181

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 3.72 điểm xuống mức 915.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VNM, NVL, HPG và VJC tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tăng nhẹ từ đầu phiên nhưng đã quay đầu giảm điểm từ giữa phiên sáng cho đến cuối phiên chiều. Thanh khoản có dấu hiệu tăng trở lại trong những phiên gần đây.

• Các HDTL hầu hết đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay, riêng VN30F1910 tăng nhẹ. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 đang có xu hướng giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 có chiều hướng tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 905 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CREE1901	MBS	11/19/2019	60	3:1	767,620	636.5%	3.0 triệu	21.53%	1,260	1,820	10.30%	426.80
CMWG1902	VND	12/11/2019	82	4:1	23,790	28.6%	2.4 triệu	20.07%	2,990	10,400	7.22%	9,041.80
CFPT1902	SSI	9/30/2019	10	1:1	29,990	107.3%	1.0 triệu	19.50%	3,800	13,230	5.84%	12,729.60
CMWG1903	HSC	12/30/2019	101	5:1	204,450	110.1%	2.0 triệu	20.07%	2,700	6,980	3.41%	6,282.60
CFPT1904	MBS	11/19/2019	60	3:1	100,410	-49.0%	3.0 triệu	19.50%	1,700	2,970	2.41%	1,698.60
CFPT1903	SSI	12/30/2019	101	1:1	54,520	-50.1%	2.0 triệu	19.50%	6,000	14,700	1.38%	13,269.80
CMBB1902	HSC	12/17/2019	88	1:1	157,650	113.9%	1.0 triệu	23.24%	3,200	3,530	1.15%	1,088.40
CHPG1905	SSI	12/30/2019	101	1:1	68,290	-60.9%	1.0 triệu	28.84%	3,300	3,130	-2.19%	1,468.50
CMWG1904	SSI	9/28/2019	101	1:1	4,490	-63.0%	1.0 triệu	20.07%	14,000	39,550	-2.30%	36,388.60
CVNM1901	KIS	12/13/2019	84	10:1	139,240	80.1%	5.0 triệu	19.85%	1,200	580	-3.33%	2.80
CMSN1901	KIS	11/14/2019	55	5:1	109,860	3.6%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,620	-4.14%	579.40
CHPG1902	KIS	12/11/2019	82	5:1	15,110	-31.6%	3.0 triệu	28.84%	1,000	410	-4.65%	-
CVRE1901	KIS	11/14/2019	55	2:1	557,750	76.9%	2.5 triệu	28.35%	1,900	1,000	-5.66%	34.40
CHPG1906	KIS	11/14/2019	55	2:1	90,810	152.7%	5.0 triệu	28.84%	1,500	770	-7.23%	49.20
CVIC1901	KIS	11/14/2019	55	5:1	196,480	164.7%	2.0 triệu	23.08%	1,960	1,660	-8.79%	60.50
CHPG1904	SSI	9/30/2019	10	1:1	59,620	-46.1%	1.0 triệu	28.84%	2,200	550	-19.12%	403.40

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 20/09/2019, các chứng quyền có sự phân hóa và đều tăng và giảm giá theo chứng khoán cơ sở.

• CHPG1904 và CVIC1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 19.12% và 8.79%. Thanh khoản thị trường tăng 67.25%, CREE1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 30% thị trường.

• Tất cả các chứng quyền đều duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. REE đang bứt phá và vượt ngưỡng cản tâm lý tại giá 38. Thanh khoản đang có xu hướng tăng báo hiệu khả năng duy trì trạng thái tích cực trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ đà tăng của cổ phiếu, nhiều khả năng CREE1901 sẽ tiếp tục được giao dịch sôi động trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.15	0.87	0.63
MWG	126.50	1.04	0.52
REE	38.80	4.30	0.38
FPT	58.20	0.69	0.30
PNJ	83.80	1.33	0.27

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	119.4	-1.73	-1.24
VNM	122.1	-1.21	-1.06
NVL	61.6	-2.53	-0.83
HPG	22.7	-1.31	-0.69
VJC	138.0	-1.08	-0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1901	41,330	37,550	38,800
CMWG1902	48,130	90,000	126,500
CFPT1902	96,981	45,140	58,200
CMWG1903	25,800	95,000	126,500
CFPT1904	57,100	52,000	58,200
CFPT1903	56,154	45,140	58,200
CMBB1902	26,300	21,800	22,050
CHPG1905	93,300	23,100	22,650
CMWG1904	165,000	90,000	126,500
CVNM1901	46,340	156,285	122,100
CMSN1901	98,488	88,888	80,200
CHPG1902	166,285	41,999	22,650
CVRE1901	44,688	40,888	33,950
CHPG1906	31,088	28,088	22,650
CVIC1901	150,688	140,888	119,400
CHPG1904	98,800	23,100	22,650

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.5	1.0%	0.7	2,435	3.4	7,893	16.0	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.8	1.3%	1.0	811	3.4	4,727	17.7	4.6	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.0	-2.3%	1.3	2,194	4.5	1,505	47.8	3.3	25.5%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.0	0.0%	0.7	332	0.2	3,061	10.8	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.4	-1.7%	1.1	17,370	9.5	1,643	72.7	4.8	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.4%	1.1	3,438	4.8	1,033	32.9	2.8	32.1%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.6	-2.5%	0.8	2,492	2.3	3,579	17.2	2.8	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	38.8	4.3%	1.0	523	5.6	5,261	7.4	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.9	-2.9%	1.4	384	2.3	3,744	4.5	1.1	46.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.5	-1.4%	1.3	474	3.2	1,997	10.7	1.2	57.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	1.4%	1.0	250	0.1	5,067	6.9	1.6	36.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.4	-0.8%	1.4	311	0.8	1,434	16.3	1.7	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	58.2	0.7%	0.8	1,716	3.5	4,349	13.4	3.0	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	1.1%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.8	-1.0%	1.5	8,555	1.2	6,066	16.9	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.2	0.2%	1.5	3,169	0.8	3,350	18.3	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.2	-0.5%	1.7	420	1.5	2,397	8.4	0.7	23.1%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	-3.0%	0.8	1,294	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.2	0.2%	0.5	518	0.0	4,616	19.8	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.3	1.1%	0.7	226	0.1	853	15.6	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.6	-0.7%	0.6	198	0.3	897	9.6	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	81.0	-0.6%	1.3	13,062	9.9	4,729	17.1	3.9	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.0	-2.0%	1.5	5,946	3.9	2,091	19.1	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.1	-0.7%	1.6	3,416	1.7	1,470	14.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.4	-0.2%	1.2	2,286	2.5	2,989	7.2	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.1	0.2%	1.1	2,188	3.9	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.2	0.4%	1.1	1,635	2.6	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	52.8	-0.4%	0.9	188	0.3	5,017	10.5	1.8	77.7%	17.1%
NTP	Nhựa	38.6	-1.3%	0.3	150	0.1	4,490	8.6	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.8	-2.2%	1.2	696	0.0	732	24.3	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	-1.3%	1.0	2,719	5.0	2,760	8.2	1.4	38.0%	19.9%
HSG	Thép	6.6	2.0%	1.5	122	1.1	425	15.6	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	122.1	-1.2%	0.7	9,244	8.6	5,465	22.3	7.5	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	267.0	0.7%	0.8	7,444	0.3	6,735	39.6	9.8	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	80.2	0.0%	1.2	4,076	2.8	3,304	24.3	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.6%	0.5	410	1.8	542	33.1	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	77.3	0.4%	0.8	7,317	0.1	2,630	29.4	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	138.0	-1.1%	1.1	3,143	22.4	9,850	14.0	5.3	19.4%	43.3%
HVN	Vận tải	33.4	-1.6%	1.7	2,057	0.6	1,747	19.1	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.5	0.5%	0.8	354	0.6	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.8	0.3%	0.6	218	0.6	2,435	7.3	1.2	30.5%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	96.9	-0.1%	0.9	661	1.1	7,667	12.6	4.9	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.6	-1.5%	0.8	381	0.4	1,327	14.7	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.0%	0.8	259	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	98.1	1.1%	0.7	326	0.2	13,535	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	-0.4%	1.1	509	0.6	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.3	-1.5%	0.5	219	2.1	387	52.5	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.6	-1.2%	0.6	1,278	0.7	820	15.3	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	23.6	-3.5%	0.6	295	4.8	2,241	10.5	1.7	21.6%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	267.00	0.72	0.36	24960.00
TCB	23.15	0.87	0.21	2.05MLN
MWG	126.50	1.04	0.17	626230.00
REE	38.80	4.30	0.15	3.38MLN
LGC	39.05	6.99	0.15	20.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	0.43	0.17	2.53MLN
NVB	7.80	4.00	0.12	226500.00
DHT	47.00	6.82	0.05	76600.00
VIX	6.60	10.00	0.05	41100.00
NET	35.00	9.38	0.03	47000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	119.40	-1.73	-2.07	1.83MLN
BID	40.00	-1.96	-0.81	2.20MLN
VNM	122.10	-1.21	-0.77	1.62MLN
VHM	89.60	-0.78	-0.69	1.03MLN
GAS	102.80	-0.96	-0.57	276350.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.50	-1.52	-0.11	2.83MLN
SJE	23.90	-9.81	-0.04	100.00
MBG	22.00	-6.78	-0.03	31900.00
DGC	27.40	-1.44	-0.03	51900.00
PVS	20.20	-0.49	-0.03	1.65MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	39.05	6.99	0.15	20.00
L10	14.20	6.77	0.00	10.00
DXV	3.20	6.67	0.00	10000.00
SJF	2.72	6.67	0.00	170300.00
CCI	14.50	6.62	0.01	1950.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIX	6.60	10.0	0.05	41100.00
TV3	30.90	10.0	0.01	400.00
PJC	31.20	9.9	0.01	300.00
WCS	174.50	9.8	0.01	9000.00
STC	15.80	9.7	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
UDC	4.53	-6.98	0.00	8020.00
SPM	12.00	-6.98	0.00	1310.00
FTM	3.71	-6.78	0.00	270240.00
RIC	5.11	-6.75	0.00	330.00
LGL	10.50	-6.67	-0.01	1.01MLN

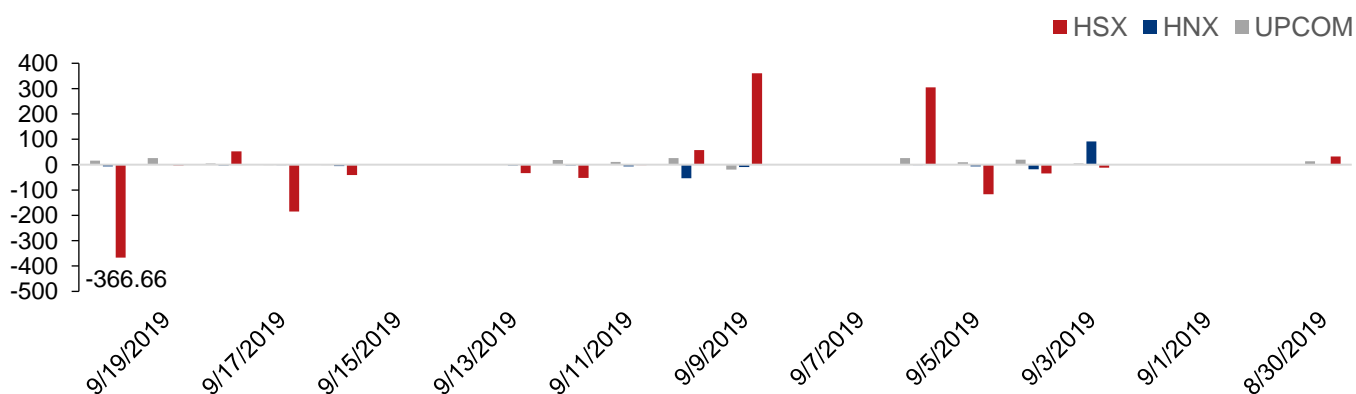
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVA	0.80	-11.11	0.00	92400.00
HNH	4.50	-10.00	-0.01	68300.00
PGN	9.90	-10.00	0.00	7300.00
VXB	8.10	-10.00	0.00	100.00
VGP	19.90	-9.95	-0.02	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



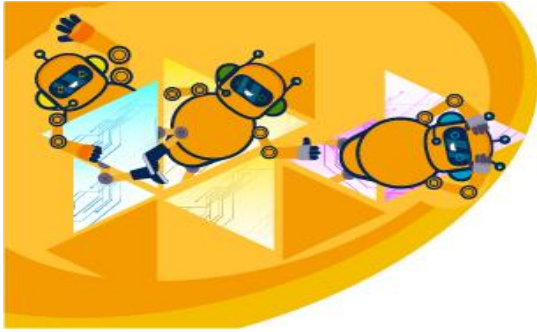
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click


Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây


STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	81.0	4,729	17.1	3.9	Click
2	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.1	1,295	18.6	1.9	Click
3	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.1	3,215	6.9	1.4	Click
4	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	52.8	2,801	18.9	3.1	Click
5	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.5	1,888	14.5	1.3	Click
6	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.7	3,705	7.7	2.1	Click
7	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.2	4,349	13.4	3.0	Click
8	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.7	649	21.1	1.2	Click
9	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	126.5	7,893	16.0	5.4	Click
10	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	83.8	4,727	17.7	4.6	Click
11	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.9	5,276	10.4	3.0	Click
12	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.0	4,234	6.6	0.9	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.2	4,469	5.2	1.2	Click
14	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.3	3,873	4.5	1.2	Click
15	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.6	0.5	Click
16	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	47.4	4,961	9.6	2.8	Click
17	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.2	3,304	24.3	3.0	Click
18	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	165.4	7,716	21.4	11.1	Click
19	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.5	1,888	14.5	1.3	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	126.5	7,893	16.0	5.4	Click





TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

 **Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

 **Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

 **Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

 **Trợ lý phái sinh (hỏa):** cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 l/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 l/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giá định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

